

Bản án số: 89/2024/HS-ST
Ngày 07-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Thông báo về thay đổi thời gian mở phiên **toà số...../TB-TA ngày 23 tháng 4** năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Duy K, sinh năm 1995, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Tvà bà Vũ Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại: Anh Tạ Tấn D, sinh năm 1999; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Duy K và anh Tạ Tấn D vốn là bạn bè quen biết chơi với nhau và làm cùng Công ty TNHH Regina tại khu công nghiệp Vsip, Thủy Nguyên, Hải Phòng. Vào khoảng tháng 11 năm 2020, K có nợ anh D số tiền 23.000.000 đồng, đến tháng

4 năm 2023 thì K còn nợ anh D số tiền 13.000.000 đồng. Ngày 22/4/2023, anh D gọi điện thoại đòi tiền K, do không có tiền trả nợ và đang cần tiền tiêu xài cá nhân nên K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh D. Mặc dù K không tham gia bất họ nào nhưng K đã nói với anh D: “Hiện tại anh không có tiền trả, anh có tham gia bất họ ở quán cầm đồ tại xã An Lư, anh sẽ lấy tiền họ trả em nhưng muốn lấy lại tiền bất họ phải đóng thêm 3.800.000 đồng, em chuyển tiền cho anh”. Anh D tin lời K nói nên đã chuyển cho K số tiền trên. Sau khi nhận được tiền, K lại gọi điện cho D nói còn thiếu 2.000.000 đồng nữa, bảo anh D chuyển tiền cho K thì sẽ lấy được tiền bất họ. D tin tưởng nên đã tiếp tục chuyển số tiền 2.000.000 đồng cho K. Đến tối ngày 22/4/2023, anh K gọi điện cho D nói dối là “Nhân viên cửa hàng cầm đồ cầm tiền bỏ đi nơi khác không lấy lại được, anh sẽ có trách nhiệm trả tiền cho em”. Sau đó, K sang phòng trọ của anh Nguyễn Hoàng Thảo sinh năm 2001, nơi cư trú: Tổ dân phố Quyết Tâm, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên (Thảo ở cùng khu trọ với K) và hỏi mượn điện thoại và số tài khoản của Thảo để gọi cho người nhà chuyển tiền vào, K sử dụng số điện thoại của Thảo gọi cho D nói: “Anh là Nguyễn Hoàng Thảo là nhân viên cầm đồ nơi K chơi bất họ, nếu muốn lấy bất họ phải chuyển thêm 5.900.000 đồng”. Sau khi nghe xong, anh D đã gọi điện vào số điện thoại của K để xác minh nội dung trên thì K bảo: “Em cứ chuyển vào tài khoản của anh Thảo sẽ lấy được tiền”. Anh D tin tưởng K nên đã chuyển tiền vào tài khoản Nguyễn Hoàng Thảo do K cung cấp (chuyển làm hai lần, lần thứ nhất 3.100.000 đồng và lần thứ hai là 2.800.000 đồng). Sau khi nhận được tiền vào tài khoản của anh Thảo, K đã chuyển toàn bộ số tiền trên đến tài khoản của K và không nói cho anh Thảo biết nội dung nói chuyện với anh D.

Sáng ngày 23/4/2023, K lại tiếp tục mượn điện thoại của anh Thảo và giả danh anh Thảo để gọi điện cho D và nói “phải chuyển thêm 4.000.000 đồng nữa mới lấy được tiền họ”. Anh D tin tưởng nên đã chuyển số tiền trên làm hai lần tiền, lần thứ nhất 2.200.000 đồng, lần thứ hai 1.800.000 đồng vào tài khoản anh Thảo. Khi anh Thảo nhận được tiền đã gọi K đến, K đã chuyển toàn bộ tiền mà anh D chuyển sang tài khoản của K và trả điện thoại cho anh Thảo, anh Thảo không biết K gọi điện cho ai với nội dung gì. Sau khi anh D chuyển tiền, K tiếp tục gọi điện nói đã gặp sự cố, muốn lấy lại tiền phải chuyển thêm tiền vào để nâng bất họ lên 78.000.000 đồng. K yêu cầu anh D chuyển thêm 5.900.000 đồng và hỏi vay anh D 30.000.000 đồng, anh D tin tưởng K nên đã chuyển cho K đủ 35.900.000 đồng vào tài khoản của K làm 06 lần tiền (lần thứ nhất: 4.000.000 đồng, lần thứ hai 5.300.000 đồng, lần thứ ba: 5.000.000 đồng, lần thứ tư: 10.800.000 đồng, lần thứ năm: 5.000.000 đồng, lần thứ sáu: 5.800.000 đồng). Đến tối cùng ngày, K gọi điện cho anh D nói: “Có phát sinh sự cố muốn lấy tiền nhanh phải thêm 10% tức là 7.800.000 đồng, em chuyển cho anh 8.000.000 đồng”. Vì muốn lấy lại tiền nên anh D tiếp tục chuyển số tiền trên vào tài khoản của K.

Ngày 24/4/2024, K đã trả lại cho anh D 30.000.000 đồng tiền K đã vay anh D vào ngày 23/4/2023. Đến tối ngày 24/4/2023 anh D gọi cho K hỏi sao chưa lấy được tiền thì K bảo do chuyển vào chủ nhật bị lỗi, muốn lấy được tiền bất họ cần chuyển thêm 6.000.000 đồng nữa và hỏi vay anh D thêm 20.000.000 đồng. Anh D tin tưởng K nên đã chuyển đủ 26.000.000 đồng cho K làm hai lần tiền, lần thứ nhất: 17.000.000

đồng và lần thứ hai: 9.000.000 đồng. Cuối ngày 24/4/2023, K có gọi điện cho anh D nói: “Nhân viên của quán cầm đồ nơi anh chơi bát họ đã cầm tiền bỏ trốn, anh sẽ có trách nhiệm trả tiền cho em”. Ngày 25/4/2023, K đã chuyển lại cho anh D 20.000.000 đồng tiền vay.

Ngày 26/4/2023, K gọi điện cho anh D nói: “Anh có tham gia một bát họ khác, em với anh mỗi người nộp một nửa, em chuyển cho anh 30.000.000 đồng và cho anh vay 47.000.000 đồng để anh đáo bát họ, lấy được tiền anh sẽ trả em”. Trên thực tế, K không tham gia bát họ nào, K đưa ra thông tin như vậy để anh D tin K và chuyển tiền cho K. Anh D đã chuyển cho K 50.000.000 đồng làm hai lần, lần thứ nhất 20.000.000 đồng và lần thứ hai 30.000.000 đồng vào ngày 26/4/2023 và 27.000.000 đồng vào ngày 27/4/2023. Số tiền K nhận được, K sử dụng vào mục đích ăn tiêu một phần. Tối ngày 26/4/2023 tài khoản của K còn tiền, K đã chuyển lại cho anh D 10.000.000 đồng, ngày 27/4/2023 K lại trả cho D 37.000.000 đồng và hứa hẹn khi lấy được tiền bát họ sẽ chuyển cho anh D nên anh D tin tưởng và không nghi ngờ K.

Ngày 28/4/2023, K gọi điện cho D nói: “Anh có tham gia bát phường khác trị giá 180.000.000 đồng của bà Phượng người thị trấn Minh Đức, anh đang đáo bát phường để lấy nhanh, nếu lấy được anh sẽ trả hết nợ cho em, nhưng muốn lấy được bát phường phải nộp thêm 130.500.000 đồng nữa, em chuyển tiền cho anh thì sẽ lấy được tiền phường”. Trên thực tế, K không tham gia bát phường nào ở thị trấn Minh Đức, bà Phượng là người K tự dựng lên để tạo niềm tin cho anh D. Anh D đã chuyển đủ 130.500.000 đồng làm 09 lần (lần thứ nhất: 37.000.000 đồng vào ngày 28/4/2023, lần thứ hai: 35.000.000 đồng, lần thứ ba: 3.000.000 đồng cùng vào ngày 29/4/2023, lần thứ tư: 11.000.000 đồng vào ngày 03/5/2023, lần thứ năm: 10.000.000 đồng, lần thứ sáu: 2.000.000 đồng cùng vào ngày 05/5/2023, lần thứ bảy: 2.500.000 đồng vào ngày 06/5/2023, lần thứ tám: 25.000.000 đồng và lần thứ chín: 5.000.000 đồng cùng vào ngày 09/5/2023).

Đến ngày 11/5/2023, anh D gọi điện cho K hỏi sao không lấy được tiền. K nói : “Bố anh không đồng ý cho lấy 180.000.000 đồng một lúc, tiền phường để anh hỏi lại bố anh”. Sau đó, K đã mượn điện thoại của Trần Văn Hoàng sinh năm 2001, trú tại tổ dân phố Quyết Tâm, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, giả giọng bố của K để nói chuyện với anh D. K nói: “Chú là Tuấn bố của K, chú sẽ bóc bát phường trị giá 360.000.000 đồng nhà bà Phượng để trả chấm dứt khoản nợ cho cháu, muốn vậy phải chuyển thêm cho chú 30.000.000 đồng để đáo bát phường”. Anh D gọi điện cho K để xác minh lại thông tin thì K nói đúng là bố K và đã yêu cầu D chuyển tiếp 18.100.000 đồng vào tài khoản của K. Anh D đã thực hiện theo đúng yêu cầu của K chuyển tiền làm hai lần, lần thứ nhất: 12.000.000 đồng vào ngày 11/5/2023 và lần thứ hai: 6.100.000 đồng vào ngày 12/5/2023.

Đến ngày 13/5/2023 là ngày K hẹn lấy được tiền phường thì K gọi điện cho anh D nói phải có thêm 8.000.000 đồng mới lấy được tiền và yêu cầu D lo chuyển tiền cho K. Anh D đã chuyển số tiền trên cho K vào ngày 14/5/2023. Sau khi K nhận được tiền, K đã gọi điện anh D nói: “do đóng chậm nên bát phường đã chuyển cho người khác, phải đợi lượt sau nhưng không rõ là bao lâu”, nhưng có cách để lấy tiền sớm làm phải đóng cho chồng bà Phượng là 10.000.000 đồng nữa. Anh D tin tưởng

nên đã chuyển cho K 10.000.000 đồng làm hai lần, lần thứ nhất 9.000.000 đồng, lần thứ hai 1.000.000 đồng vào ngày 14/5/2023. Nhận tiền xong, K tiếp tục gọi cho D nói: “Chồng bà Phụng lại tiếp tục đòi thêm hai lần tiền mỗi lần mười triệu đồng nữa, em chuyển cho anh là 14.600.000 đồng, số tiền còn lại anh sẽ lo.” Nghe lời K nên anh D đã chuyển số tiền trên cho K.

Ngày 16/5/2023 là ngày K hẹn với anh D sẽ lấy tiền phường thì K gọi điện cho anh D nói: “Vợ chồng bà Phụng làm khó không lấy được tiền. Anh có quen anh Hải đại úy, sinh năm 1982 trên Công an huyện giúp đỡ nói chuyện với vợ chồng bà Phụng, muốn giải quyết nhanh phải chuyển cho anh Hải 30.000.000 đồng. Em chuyển cho anh 23.500.000 đồng”.

Ngày 17/5/2023, anh D đã chuyển cho K 23.500.000 đồng, chuyển làm 04 lần tiền: Lần thứ nhất: 10.000.000 đồng, lần thứ hai: 10.000.000 đồng, lần thứ ba: 3.000.000 đồng, lần thứ tư: 500.000 đồng. Sau đó K trả lại cho anh D 1.000.000 đồng và hẹn khoảng hai đến ba ngày sẽ có kết quả.

Ngày 19/5/2023, anh D gọi cho K hỏi sao chưa có tiền. K nói “bà Phụng trả tiền sẽ phải mất thêm 20.000.000 đồng cho Công an, để khi lấy tiền không bị làm khó, em chuyển cho anh 15.000.000 đồng để anh đưa cho Công an”. D đã chuyển số tiền trên cho K làm hai lần, lần thứ nhất: 9.000.000 đồng, lần thứ hai: 6.000.000 đồng.

Đến tối ngày 19/5/2023, K mượn điện thoại của một người lạ K không nhớ là ai để gọi điện cho D tự xưng tên là Trường – là người thụ lý vụ án K tham gia bắt phường với bà Phụng và nói với anh D là “Vụ án này là làm chui, không có giấy tờ, nếu muốn lấy lại tiền phải chuyển cho anh Trường 20.000.000 đồng coi như tiền công và phải chuyển trước 8 giờ sáng ngày 20/5/2023 nếu không sẽ chuyển vụ án lên Phòng Hình sự Công an thành phố”, Nghe điện thoại xong, anh D gọi điện lại cho K để xác thực thông tin thì K bảo: “Thông tin đồng chí Trường nói là đúng, em chuyển cho anh 17.000.000 đồng”. Anh D tin tưởng K và tin anh Trường là Công an thật và rất muốn lấy lại tiền nên đã chuyển đủ 17.000.000 đồng cho K. Ngày 20/5/2023, khi nhận được tiền K nói với D vì chuyển tiền mượn nên kế toán đã vào sổ và không lấy được tiền ngay, K có nhờ đồng chí Hải và đồng chí Thắng phó Phòng hình sự can thiệp, cứ yên tâm không lo mất tiền.

Ngày 23/5/2023, K gọi điện cho anh D nói: “Anh đã làm việc với đồng chí Thắng, sẽ lấy được tiền nhưng anh sẽ cho đồng chí Thắng 20.000.000 đồng. Em chuyển cho anh 5.000.000 đồng để anh đưa cho đồng chí Thắng”. D tin tưởng nên đã chuyển 5.000.000 đồng cho K.

Đến tối ngày 23/5/2023, K gọi cho anh D nói “phải chuyển cho anh Thắng thêm 10.000.000 đồng để đồng chí Thắng giúp lấy lại tiền và cho anh vay thêm 2.500.000 đồng nữa”. D rất muốn lấy lại tiền nên đã chuyển khoản cho K hai lần tiền tổng là 12.500.000 đồng. Sau đó, K đã chuyển trả lại cho D 10.000.000 đồng và nói chưa gặp được đồng chí Thắng để hôm sau.

Sáng ngày 26/5/2023, K có yêu cầu anh D chuyển thêm 10.000.000 đồng cho đồng chí Thắng để lấy lại tiền. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, K có vào web

để chỉnh sửa ảnh giao dịch chuyển số tiền 400.000.000 đồng nội dung: “Ta Tan Dung lan 1 Vu Phuong” và gửi cho anh D. Anh D chờ lâu mà không thấy tiền về tài khoản nên gọi điện cho K hỏi thì K nói: “Đây là dịch vụ chuyển tiền tương lai của ngân hàng, đến 17 giờ 30 phút mới nhận được tiền, em chuyển cho đồng chí Trường thêm 10.000.000 đồng nếu không đồng chí Trường sẽ gọi cho ngân hàng báo chuyển nhầm và treo tiền lại”. D tin tưởng K nên đã chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản của K.

Sau khi nhận được tiền, K gọi cho D nói: “Đồng chí Trường yêu cầu thêm 10.000.000 đồng nữa” nhưng D nói không còn tiền và yêu cầu K hoàn trả lại tiền cho anh D nhưng K không trả do K đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Nhận thấy bị K gian dối chiếm đoạt tài sản nên anh D đã làm đơn trình báo cơ quan công an.

Các lần chuyển khoản trên được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng bằng ứng dụng Internetbanking, anh D đã chuyển từ các số tài khoản 02001011996034 thuộc Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và số tài khoản 19033275058013 thuộc Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam do anh D là chủ sở hữu đến các số tài khoản 0451000426177 thuộc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tài khoản 02001011961555 thuộc Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam do Hoàng Duy K là chủ sở hữu và số tài khoản 0031000388377 thuộc Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam do Nguyễn Hoàng Thảo là chủ sở hữu.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo, khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên.

Bị hại anh Tạ Tấn D trình bày: Do có mối quan hệ thân thiết từ trước và anh D biết bị cáo khó khăn nên đã cho bị cáo vay tiền, do mong muốn lấy lại số tiền đã cho bị cáo vay và đã tin tưởng vào lời nói của bị cáo, anh D đã chuyển tiền theo yêu cầu của bị cáo. Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị cáo đã có trách nhiệm bồi thường cho anh D nên anh D xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về vấn đề dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh Tạ Tấn D trình bày trong quá trình điều tra, hai bên đã thỏa thuận thống nhất xong phần dân sự. Tuy nhiên do gia đình bị cáo khó khăn và giữa bị cáo và anh D trước đây có mối quan hệ quen biết thân thiết nên anh D chỉ yêu cầu bị cáo trả lại cho anh D 200.000.000 đồng, số tiền còn lại anh D cho bị cáo. Bị cáo đã trả cho anh D 130.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng, hai bên thống nhất sẽ trả dần. Tại phiên tòa anh D yêu cầu bị cáo trả cho anh D số tiền trên, bị cáo cũng đồng ý với phần trình bày và yêu cầu của anh D.

Vật chứng của vụ án: Không có.

Tại Cáo trạng số 86/CT-VKSTN ngày 29 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố bị cáo Hoàng Duy K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Duy K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.” Về hình phạt đề nghị: Áp dụng khoản 3 Điều 174; điểm

b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Hoàng Duy K từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Về dân sự, chấp nhận yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại 70.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong thời gian từ ngày 22/3/2023 đến ngày 26/5/2023, bị cáo Hoàng Duy K đã dùng thủ đoạn nói dối đối với anh Tạ Tấn D là K có tham gia các bất phùng, họ, giả danh người khác gọi điện làm anh D tin tưởng chuyển tiền cho K, từ đó đã chiếm đoạt của anh D tổng số tiền là 337.300.000 đồng và sử dụng ăn tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự (*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*).

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo Hoàng Duy K đã thực hiện các hành vi nói dối tham gia nhiều bất phùng, họ; giả danh làm nhiều người gọi điện cho anh D để chiếm đoạt tiền của anh D trong khoảng thời gian 15 ngày liên tiếp nhau, cụ thể là vào các ngày 22/4, 23/4, 24/4, 26/4, 27/4, 28/4, 11/5, 12/5, 14/5, 17/5, 19/5, 20/5, 23/5, 25/5, 26/5 của năm 2023 nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội hai lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Duy K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”; “*người phạm tội thành khẩn khai báo*”, quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là liệt sỹ hiện gia đình đang thờ cúng, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Với những phân tích như trên, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, xử phạt bị cáo Hoàng Duy K trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Xét thấy bị cáo là công nhân lao động phổ thông, thu nhập thấp, không ổn định, không có tài sản riêng nên không phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Tạ Tấn D chỉ yêu cầu bị cáo trả lại cho anh D 200.000.000 đồng, số tiền còn lại anh D cho bị cáo. Bị cáo đã trả cho anh D 130.000.000 đồng nên bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh D là 70.000.000 đồng.

[7] Đối với anh Nguyễn Hoàng Thảo và anh Trần Văn Hoàng do K mượn điện thoại, số tài khoản nhưng không biết K sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra không xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Hoàng Duy K phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xử phạt bị cáo Hoàng Duy K 08 năm 06 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo bị bắt đi chấp hành án phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Hoàng Duy K phải bồi thường tiếp cho anh Tạ Tấn D số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gò thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)